

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 09-3-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Bà Trần Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yển – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLPT - HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 74/2017/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ung Văn T; cư trú tại: Khóm 5, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị K; cư trú tại: Khóm 5, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Ung Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/10/2017, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ung Văn T trình bày:

Năm 1991 qua quá trình tìm hiểu nên ông và bà Huỳnh Thị K tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là T) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/6/1991. Thời gian đầu ông và bà K chung sống hạnh phúc với nhau nhưng đến đầu năm 2005 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, đến tháng 01/2017 thì ông và bà K sống ly thân với nhau. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà K.

Về con chung: Ông và bà K có 02 con chung tên Ung Thị Thúy A, sinh năm: 1992 và Ung Nhựt B, sinh ngày: 21/6/2001 hiện đang sống chung cùng cha mẹ. Ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/11/2017 bị đơn Huỳnh Thị K trình bày:

Bà thống nhất với phần trình bày của ông T về quan hệ hôn nhân và con chung nhưng không thống nhất về mâu thuẫn vợ chồng vì giữa bà và ông T không có mâu thuẫn nên không thống nhất yêu cầu xin ly hôn của ông T.

Về con chung: Thống nhất theo lời trình bày của ông T về con chung nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà đồng ý giao cháu Ung Nhựt B, sinh ngày 21/6/2001 cho ông T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 74/2017/HNGĐ-ST ngày 18/12/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng Điều 19, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ung Văn T về việc xin ly hôn với bà Huỳnh Thị K.

Không đặt ra giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Ung Nhựt B, sinh ngày 21/6/2001 do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Ung Văn T.

Không đặt ra giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung giữa ông T và bà K do các đương sự không yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, nguyên đơn ông Ung Văn T kháng cáo với nội dung sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông đối với bà Huỳnh Thị K.

Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Ung Văn T và bà Huỳnh Thị K được Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã T) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/6/1991 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Ông T kháng cáo cho rằng mâu thuẫn giữa ông và bà K là do bạo lực gia đình, ông và bà K đã ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay và cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, không quan tâm chăm sóc đến nhau, ai biết bốn phận của người đó. Còn bà K cho rằng do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhiều lần cãi vã nhau. Vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 01/2017 cho đến

nay, ông T không còn quan tâm chăm sóc bà, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ và thực hiện các công việc của gia đình... Tại phiên tòa phúc thẩm bà K không đồng ý ly hôn với ông T và cho rằng hiện nay bà còn thương ông T và mong muốn đoàn tụ nhưng ông T không đồng ý. Xét theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định việc ly hôn theo yêu cầu của một bên khi có căn cứ vợ hoặc chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét ông T, bà K cả hai đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng và hôn nhân của ông T, bà K đã lâm vào tình trạng trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T.

[3] Về con chung và tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Dành cho các đương sự một vụ kiện dân sự khác nếu có yêu cầu.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Do chấp nhận kháng cáo nên ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ung Văn T; sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 74/2017/HNGĐ-ST ngày 18/12/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Ung Văn T. Cho ông Ung Văn T được ly hôn với bà Huỳnh Thị K.

2. Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Số tiền này ông T đã nộp xong theo biên lai thu số 8870 ngày 18/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long nên được khấu trừ.

Ông T không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho ông T 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí theo biên lai thu số 8951 ngày 03/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND TXBM: 01;
- VKSND TXBM: 01;
- Chi Cục THADS TXBM: 01;
- Dương sự: 02;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Sơn Nữ Phà Ca